

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS-ST

Ngày: 19-6-2024

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Mỹ Trang và ông Nguyễn Thành Phước.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Bà Cao Thị Bạch T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị H có mặt; chị Trần Thị Bích L và bà Cao Thị Bạch T vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Bùi Thị H trình bày:

Ngày 20/4/2018 (âm lịch) tại nhà bà **Bùi Thị H** thì bà có cho bà **Cao Thị Bạch T** và chị **Trần Thị Bích L** vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày vay, đóng lãi hàng tháng, hết thời hạn vay phải trả gốc, khi vay có lập Biên nhận, nội dung biên nhận thì bà ghi, số tiền vay và ký tên nhận tiền là do bà **Cao Thị Bạch T**, chị **Trần Thị Bích L** tự ghi. Sau khi ký biên nhận, bà trực tiếp giao tiền mặt cho bà **Cao Thị Bạch T**, chị **Trần Thị Bích L**. Sau khi vay, bị đơn đóng lãi đầy đủ mỗi tháng 1.500.000 đồng từ 20/4/2018 (âm lịch) đến 20/9/2020 (âm lịch) thì ngưng đóng lãi. Đến ngày 20/9/2020 (âm lịch) thì bị đơn trả được tiền gốc 72.500.000 đồng. Sau đó, thì bị đơn không trả thêm gốc và lãi cho bà mặc dù bà đã yêu cầu nhiều lần.

Do bà **Cao Thị Bạch T**, chị **Trần Thị Bích L** vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên bà **Bùi Thị H** yêu cầu Tòa án buộc bà **Cao Thị Bạch T** và chị **Trần Thị Bích L** phải trả cho bà **Bùi Thị H** số tiền là 27.500.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng và tiền lãi với lãi suất 1,5% tháng kể từ ngày 20/10/2022 âm lịch (ngày 13/11/2022 dương lịch) cho đến khi trả hết nợ.

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị **Trần Thị Bích L** trình bày:*

Ngày 20/11/2018 âm lịch thì chị và bà **Cao Thị Bạch T** (mẹ ruột chị **L**) có vay của bà **Bùi Thị H** 100.000.000 đồng, lãi ghi trong biên nhận 1,5%/tháng, thời hạn trả là 12 tháng. Sau đó bà **H** hẹn hai mẹ con chị ra quán cà phê ở **chợ K, xã P** và yêu cầu chị và bà **T** ký tên, điền chỉ vào Tờ biên nhận ngày 20/11/2018 âm lịch do bà **H1** viết sẵn, khi đó chị và bà **T** có đọc lại và đồng ý ký tên, ghi họ tên và lặn tay vào Tờ biên nhận. Sau khi vay thì chị trả cho bà **H** 72.500.000 đồng, còn nợ lại bà **H** 27.500.000 đồng. Số tiền 72.500.000 đồng là tiền vốn, tiền lãi chị trả cho bà **H** hàng tháng. Tuy trong biên nhận ghi 1,5%/tháng nhưng thực tế chị đóng lãi cho bà **H** 3%/tháng. Chị đóng lãi cho bà **H** đến năm 2020 chị hốt hụi trả cho bà **H** 72.500.000 đồng thì ngưng đóng lãi cho bà **H** đến nay. Chị không có giấy tờ gì chứng minh và chị cũng không có ý kiến gì đối với số tiền lãi chị đã trả cho bà **H**.

Chị thừa nhận số tiền 27.500.000 đồng là chị nợ bà **H**, chị yêu cầu được trả cho bà **H** mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ 27.500.000 đồng, số nợ này không liên quan gì đến mẹ chị. Chị thừa nhận chữ ký, ghi họ tên và dấu vân tay của bà **Cao Thị Bạch T** là do mẹ chị bà **Cao Thị Bạch T** ký tên, ghi họ tên và lặn tay vào tờ biên nhận ngày 20/11/2018 âm lịch nhưng số nợ trên là số nợ của cá nhân chị, mẹ chị chỉ ký tên để bảo lãnh số nợ trên cho chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn là bà **Cao Thị Bạch T** để tham gia các phiên họp đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà **T** vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà **T** cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo cho bà **Cao Thị Bạch T** biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà **T** cũng không có ý kiến phản hồi.

Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà **Bùi Thị H** trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà **Cao Thị Bạch T**, chị **Trần Thị Bích L** vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tại phiên tòa, bà **Bùi Thị H** có mặt; chị **Trần Thị Bích L** và bà **Cao Thị Bạch T** vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà **Cao Thị Bạch T** và chị **Trần Thị Bích L** là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Bùi Thị H**, buộc bà **Cao Thị Bạch T** và chị **Trần Thị Bích L** phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà **Bùi Thị H** số tiền là 27.500.000 (*hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn*) đồng và tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 20/10/2022 âm lịch (ngày 13/11/2022 dương lịch) cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Bị đơn bà **Cao Thị Bạch T**, chị **Trần Thị Bích L** phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn bà **Bùi Thị H** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2024, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn **Cao Thị Bạch T**, **Trần Thị Bích L** phải trả cho nguyên đơn số tiền là 27.500.000 (*hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn*) đồng và tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 20/10/2022 âm lịch (ngày 13/11/2022 dương lịch) cho đến khi trả hết nợ nên quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn **Cao Thị Bạch T** có nơi cư trú: **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang** nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định theo Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định bà **Bùi Thị H** là nguyên đơn, bà **Cao Thị Bạch T** và chị **Trần Thị Bích L** là bị đơn.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn chị **Trần Thị Bích L** và bà **Cao Thị Bạch T** đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, các bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về đánh giá chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp **Tờ mượn nợ ngày 20/11/2018 âm lịch**. Bị đơn bà **Cao Thị Bạch T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ thể hiện phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

Tòa án đã mở phiên họp đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo việc thu thập tài liệu, chứng cứ cho bị đơn bà **Cao Thị Bạch T** biết để thực hiện quyền của mình nhưng bà **T** đều vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày cũng như phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với bị đơn chị **Trần Thị Bích L1** thừa nhận có vay của nguyên đơn 100.000.000 đồng, lãi ghi trong biên nhận 1,5%/tháng, thời hạn trả là 12 tháng và có ký tên, điểm chỉ vào **Tờ mượn nợ ngày 20/11/2018 âm lịch**. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 và Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, **Tờ mượn nợ ngày 20/11/2018 âm lịch** được đánh giá là chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

[2.2] Về tiền nợ gốc:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, thì:

“...Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”

Tại Tờ mượn nợ ngày 20/11/2018 âm lịch có chữ ký, chữ viết, điểm chỉ của chị **Trần Thị Bích L** và bà **Cao Thị Bạch T** thể hiện bà **T**, chị **L** có vay của bà **Bùi Thị H** số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án chị **L** thừa nhận có vay 100.000.000 đồng của bà **H** nhưng đã trả được 72.500.000 đồng và còn nợ 27.500.000 đồng, bà **H** thừa nhận chị **L** đã trả được nợ gốc là 72.500.000 đồng còn nợ lại 27.500.000 đồng, đối với bà **T** thì từ khi vay đến nay không trả nợ gốc cho bà **H**. Do bà **T** và chị **L** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà **H** khởi kiện yêu cầu bà **T** và chị **L** phải trả cho bà **H** số tiền 27.500.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, thì:

“...Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

...5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;...

...Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...”

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài việc trả nợ gốc thì các bị đơn bà Cao Thị Bạch T, chị Trần Thị Bích L còn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn, cụ thể: Tại Tờ mượn nợ ngày 20/11/2018 âm lịch có thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm), nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo thỏa thuận từ ngày 20/10/2022 âm lịch (ngày 13/11/2022 dương lịch) đến ngày xét xử (lãi suất tính theo tháng, trường hợp kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm số ngày dư ra không đủ một tháng phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với số ngày dư) và tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi các bị đơn trả hết nợ là phù hợp theo khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 13/11/2022 đến ngày xét xử (19/6/2024):

$27.500.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 19 \text{ tháng} = 7.837.500 \text{ đồng}$

Tiền lãi bị đơn bà Cao Thị Bạch T, chị Trần Thị Bích L phải trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị H là 7.837.500 (bảy triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H, buộc bà Cao Thị Bạch T, chị Trần Thị Bích L phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền nợ gốc là 27.500.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng và tiền lãi với lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 20/10/2022 âm lịch (ngày 13/11/2022 dương lịch) cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về án phí:

Bị đơn bà Cao Thị Bạch T, chị Trần Thị Bích L phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn bà Bùi Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà **Bùi Thị H** đối với các bị đơn là bà **Cao Thị Bạch T** và chị **Trần Thị Bích L**.

Buộc bà **Cao Thị Bạch T**, chị **Trần Thị Bích L** có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà **Bùi Thị H** số tiền **nợ gốc là 27.500.000** (hai mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng và nợ lãi là **7.837.500** (bảy triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/6/2024) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.

2. Về án phí: **H2** lại cho bà **Bùi Thị H** số tiền **687.500** (sáu trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0013653** ngày **27** tháng **02** năm **2024** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Bà **Cao Thị Bạch T** và chị **Trần Thị Bích L** phải chịu **1.766.875** (một triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn (1);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**